

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Quản trị nhân lực
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản trị nhân lực
Tên Tiếng Anh	: Human Resource Management
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: 52340404

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23.7./QĐ – NTT, ngày 03 tháng 07 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể

1.1.1 Mục tiêu chung

Chương trình Quản trị Nhân lực (hệ Đại học) đào tạo cử nhân quản trị nhân lực có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kỹ năng tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, để có thể làm việc trong lĩnh vực quản trị nhân lực, các lĩnh vực xã hội khác, đào tạo nhân viên và nghiên cứu quản trị nhân lực.

1.2.1. Mục tiêu cụ thể: đào tạo đội ngũ những cử nhân quản trị nhân lực có

- Kiến thức chuyên sâu, vững vàng trong lĩnh vực quản trị học;
- Khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động quản trị nhân lực ở khu vực DN;
- Khả năng hoạch định, tham mưu, tư vấn các vấn đề quản trị nhân lực cho các DN, cơ quan công quyền, tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ;
- Khả năng nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực quản trị nhân lực;
- Sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong công việc

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức: Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên (SV) có thể

- Hiểu những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đồng thời vận dụng những kiến thức đó để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.
- Hệ thống được các kiến thức sâu, rộng và hiện đại về lĩnh vực quản trị nhân lực cũng như các lĩnh vực xã hội và vận dụng các kiến thức phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề trong doanh nghiệp.

- Hiểu và sử dụng tốt các phương pháp nghiên cứu, dự báo trong phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực và xã hội.
- Hệ thống được các kiến thức liên ngành: luật kinh doanh, quản trị học, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh quốc tế... và vận dụng hỗ trợ các kiến thức quản trị nhân lực, đánh giá các vấn đề có liên quan.

1.2.3. Kỹ năng

1.2.3.1. Kỹ năng chuyên môn: Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực, SV có khả năng áp dụng kiến thức được trang bị vào các lĩnh vực sau

- Lập kế hoạch, tổ chức và vận hành các hoạt động quản trị nhân lực ở khu vực DN.
- Thiết lập chiến lược đào tạo và phát triển nhân viên, nhằm đạt hiệu quả trong đầu tư đào tạo.
- Phân tích và đánh giá các hoạt động quản trị nhân lực và các chính sách liên quan của chính phủ.
- Dự báo những biến động và xu hướng của thị trường lao động.
- Tham mưu các vấn đề liên quan pháp luật lao động, chính sách và giải pháp quản trị nhân lực cho các DN, cơ quan công quyền, tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, phù hợp với yêu cầu phát triển.
- Tư vấn, xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo và phát triển nhân viên.
- Đánh giá được các luận điểm khác nhau thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Nghiên cứu độc lập và trình bày kết quả nghiên cứu một cách hiệu quả về các vấn đề quản trị nhân lực.
- Vận dụng các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích định lượng vào hoạt động thực tế.
- Hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, nghiên cứu, tổng hợp và phản biện..

1.2.3.2. Kỹ năng mềm

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh, có trình độ tiếng Anh TOEIC 500.
- Sử dụng thành thạo tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành quản trị nhân lực.
- Có kỹ năng tổ chức và lãnh đạo.
- Có kỹ năng phối hợp nhóm và làm việc nhóm tích cực, chủ động.
- Có kỹ năng thu thập dữ liệu, tài liệu và viết báo cáo.
- Có kỹ năng trình bày hiệu quả các vấn đề trước đám đông

1.2.3.3. Thái độ

- Có thể chất, phẩm chất chính trị, đạo đức tư cách tốt; chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế.

- Có thái độ đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật chấp hành các quy định tại nơi công tác và tác phong chuyên nghiệp.
- Có ý thức hợp tác, cầu tiến, vượt khó; có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp: SV sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực sẽ có cơ hội và khả năng làm việc trong các cơ quan, DN thuộc các thành phần kinh tế:

- Các DN thuộc các thành phần kinh tế, tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng...
- Các cơ quan công quyền, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ...
- Các đại học, cao đẳng, viện, trung tâm tư vấn nhân lực...
- Các tổ chức xã hội và đoàn thể
- Tiếp tục học lên và nghiên cứu ở các bậc sau đại học (trong và ngoài nước) những chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực.

❖ **Một số vị trí công tác tiêu biểu**

- Chuyên viên Tuyển dụng
- Chuyên viên Đào tạo và Phát triển nhân viên
- Chuyên viên Định mức lao động
- Chuyên viên Tiền lương
- Chuyên viên Đánh giá thành tích
- Chuyên viên Quan hệ lao động
- Chuyên viên Nghiên cứu nhân lực
- Chuyên viên Tư vấn Nhân lực nội bộ
- Chuyên viên Quản trị nhân lực....

Trong quá trình phát triển nghề nghiệp, các chức danh nêu trên có thể trở thành Trưởng phòng/Giám đốc Nhân sự (CPO/CHRO) và có thể tiến xa hơn, để trở thành Tổng giám đốc/Giám đốc Điều hành (CEO).

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 155 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, với 12 kỳ, trong đó 10 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10): GIỎI.

B – (7 -> 8,4): KHÁ

C – (5,5 -> 6,9): TRUNG BÌNH

D – (4 -> 5,4): TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4): KÉM.

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

A tương ứng với 4.

B tương ứng với 3.

C tương ứng với 2.

D tương ứng với 1.

F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 52 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn nghệ thuật: 6 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

5	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
6	071484	Kỹ năng bán hàng	2	30	0	
7	071485	Tâm lý học đại cương	2	30	0	
8	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
10	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	
11	070409	TOEIC 1	3	30	30	
12	070410	TOEIC 2	3	30	30	
13	070411	TOEIC 3	3	30	30	
14	070412	TOEIC 4	3	30	30	
15	001799	TOEIC 5	3	30	30	
16	071104	TOEIC 6	3	30	30	
		Tổng	24	240	240	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 12 tín chỉ

7.1.4.1. Kiến bắt buộc: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	070405	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
18	070406	Tin học văn phòng 2	2	0	60	070405(a)
19	001789	Toán cao cấp C1	2	30	0	
20	001790	Toán cao cấp C2	2	30	0	001789(a)
21	001030	Xác suất thống kê	2	30	0	001789(a) 001790(a)
		Tổng	10	90	120	

7.1.4.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
22	070182	Phương pháp tính	2	30	0	
23	071340	Qui hoạch tuyến tính	2	30	0	001789(a) 001790(a)

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
24	070023	Giáo dục thể chất	4	15	90	
		Tổng	4	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	070022	Giáo dục quốc phòng	4	45	30	
		Tổng	4	45	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 103 tín chỉ**7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 51 tín chỉ****7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 49 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
26	000840	Kinh tế vi mô	3	45	0	
27	000841	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	
28	070348	Marketing căn bản	2	30	0	
29	070353	Quản trị học	2	30	0	
30	001619	Thống kê kinh doanh	2	30	0	
31	071487	Nguyên lý kế toán	3	45	0	
32	000833	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh doanh	3	45	0	
33	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	30	0	
34	000706	Luật kinh doanh	2	30	0	
35	072964	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	2	30	0	
36	072965	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2	2	30	0	
37	071488	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	2	0	60	
38	070350	Quản trị chất lượng	3	45	0	
39	070359	Quản trị vận hành	3	45	0	
40	001393	Quản trị tài chính	3	45	0	
41	032000	Quản trị dự án	3	45	0	
42	070355	Quản trị Marketing 1	3	45	0	070348(a)
43	070352	Quản trị chiến lược	3	45	0	
44	070356	Quản trị nguồn nhân lực 1	3	30	30	070353(a)
		Tổng	49	690	90	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
45	070363	Kỹ năng quản lý sự thay đổi	2	30	0	
46	071486	Kỹ năng thuyết trình	2	30	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 40 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 36 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
47	071490	An toàn lao động	2	30	0	
48	070736	Quản trị bán hàng	2	30	0	
49	001399	Quản trị văn phòng	3	30	30	
50	070351	Quản trị quan hệ công chúng	2	30	0	
51	070737	Quản trị nguồn nhân lực 2	3	30	30	070356(a)
52	071493	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	30	0	
53	071493	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30	0	
54	071496	Tiếng Anh chuyên ngành 3	2	30	0	
55	071498	Tiếng Anh chuyên ngành 4	2	30	0	
56	071489	Thương mại điện tử	3	30	30	
57	001131	Nghiên cứu thị trường	2	15	30	
58	070012	PP nghiên cứu trong kinh doanh	2	30	0	
59	070341	Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh	2	30	0	
60	070361	Lập kế hoạch kinh doanh	3	30	30	
61	071497	Luật lao động	2	30	0	
62	070734	Định mức và lao động tiền lương	2	30	0	070353(a)
		Tổng	36	465	150	

7.2.2.1. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
63	000607	Hành vi tổ chức	2	30	0	
64	070732	Kinh tế quốc tế	2	30	0	
65	071494	Chăm sóc khách hàng	2	30	0	
66	071495	Quản trị doanh nghiệp	2	30	0	

7.2.3. Thực tập và khóa luận luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
67	070362	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	
68	070343	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
69	001099	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	0	
70	070750	Quản trị thương hiệu	2	30	0	
71	071499	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	90	

		Tổng	12	0	360	
--	--	-------------	-----------	----------	------------	--

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1				10	120	60	
Học phần bắt buộc				8	90	60	
1	001789	Toán Cao cấp C1	0101001789	2	30	0	
2	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	4	90	30	
3	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	4	15	90	
4	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
5	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	0101070006	2	30	0	
2	071484	Kỹ năng bán hàng	0101071484	2	30	0	
Học kỳ 2				15	195	60	
Học phần bắt buộc				13	165	60	
1	000840	Kinh tế vi mô	0101000840	3	45	0	
2	001790	Toán Cao cấp C2	0101001790	2	30	0	001789(a)
3	070353	Quản trị học	0101070353	2	30	0	
4	070409	TOEIC1	0101070409	3	30	30	
5	070410	TOEIC2	0101070410	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071350	Logic học	0101071350	2	30	0	
2	071485	Tâm lý học đại cương	0101071485	2	30	0	
Học kỳ 3				15	165	120	
Học phần bắt buộc				13	135	120	
1	000841	Kinh tế vĩ mô	0101000841	3	45	0	
2	001030	Xác suất thống kê	0101001030	2	30	0	001789(a) 001790(a)
3	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
4	070411	TOEIC3	0101070411	3	30	30	
5	070412	TOEIC4	0101070412	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	30	0	

1	070182	Phương pháp tính	0101070182	2	30	0	
2	071340	Qui hoạch tuyển tính	0101071340	2	30	0	001789(a) 001790(a)
Học kỳ 4				13	150	90	
Học phần bắt buộc				13	150	90	
1	001619	Thông kê kinh doanh	0101001619	2	30	0	
2	001799	TOEIC5	0101001799	3	30	30	
3	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
4	070348	Marketing căn bản	0101070348	2	30	0	
5	072964	Lý thuyết Tài chính tiền tệ 1	0101072964	2	30	0	
6	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
Học kỳ 5				15	210	30	
Học phần bắt buộc				13	180	30	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070355	Quản trị Marketing 1	0101070355	3	45	0	070348(a)
3	072965	Lý thuyết Tài chính tiền tệ 2	0101072965	2	30	0	
4	071104	TOEIC6	0101071104	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070363	Kỹ năng quản lý sự thay đổi	0101070363	2	30	0	
2	071486	Kỹ năng thuyết trình	0101071486	2	30	0	
Học kỳ 6				13	195	0	
Học phần bắt buộc				13	195	0	
1	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	
2	070350	Quản trị chất lượng	0101070350	3	45	0	
3	070736	Quản trị bán hàng	0101070736	2	30	0	
4	071487	Nguyên lý kế toán	0101071487	3	45	0	
5	071492	Tiếng Anh chuyên ngành 1	0101071492	2	30	0	
Học kỳ 7				13	180	30	
Học phần bắt buộc				13	180	30	
1	000833	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh doanh	0101000833	3	45	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	
3	070359	Quản trị Vận Hành	0101070359	3	45	0	
4	071489	Thương mại điện tử	0101071489	3	30	30	
5	071493	Tiếng Anh chuyên ngành 2	0101071493	2	30	0	
Học kỳ 8				12	152	0	
Học phần bắt buộc				12	152	0	
1	001393	Quản trị tài chính	0101001393	3	45	0	
2	032000	Quản trị dự án	0101032000	3	45	0	
3	071490	An toàn lao động	0101071490	2	30	0	
4	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	0101071491	2	2	0	
5	071496	Tiếng Anh chuyên ngành 3	0101071496	2	30	0	
Học kỳ 9				13	165	60	
Học phần bắt buộc				13	165	60	

1	001399	Quản trị văn phòng	0101001399	3	30	30	
2	070351	Quản trị quan hệ công chúng	0101070351	2	30	0	
3	070352	Quản trị chiến lược	0101070352	3	45	0	
4	070356	Quản trị Nguồn Nhân Lực 1	0101070356	3	30	30	070353(a)
5	071498	Tiếng Anh chuyên ngành 4	0101071498	2	30	0	
Học kỳ 10				12	135	90	
Học phần bắt buộc				8	75	90	
1	001131	Nghiên cứu thị trường	0101001131	2	15	30	
2	070012	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	0101070012	2	30	0	
3	070341	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	0101070341	2	30	0	
4	071488	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	0101071488	2	0	60	
Học phần tự chọn				4	60	0	
1	000607	Hành vi tổ chức	0101000607	2	30	0	
2	070732	Kinh tế quốc tế	0101070732	2	30	0	
3	071494	Chăm sóc khách hàng	0101071494	2	30	0	
4	071495	Quản trị doanh nghiệp	0101071495	2	30	0	
Học kỳ 11				12	150	60	
Học phần bắt buộc				12	150	60	
1	000706	Luật kinh doanh	0101000706	2	30	0	
2	070361	Lập kế hoạch kinh doanh	0101070361	3	30	30	
3	070734	Định mức và lao động tiền lương	0101070734	2	30	0	070353(a)
4	070737	Quản trị nguồn nhân lực 2	0101070737	3	30	30	070356(a)
5	071497	Luật lao động	0101071497	2	30	0	
Học kỳ 12				12	0	360	
Học phần bắt buộc				5	0	150	
1	070362	Thực tập tốt nghiệp - Quản trị kinh doanh	0101070362	5	0	150	
Học phần tự chọn				7	0	210	
1	001099	Nghệ thuật lãnh đạo	0101001099	2	30	0	
2	070343	Khóa luận tốt nghiệp - Quản trị kinh doanh	0101070343	7	0	210	
3	070750	Quản trị thương hiệu	0101070750	2	30	0	
4	071499	Chuyên đề tốt nghiệp	0101071499	3	0	90	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3

phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Kỹ năng bán hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nắm bắt nhu cầu khách hàng bao gồm cả người tiêu dùng và các tổ chức để trở thành những nhân viên bán hàng chuyên nghiệp gồm một số kỹ năng như kỹ năng khám phá nhu cầu, kỹ năng trình bày lợi ích sản phẩm, kỹ năng xử lý phản đối và chăm sóc khách hàng sau khi bán hàng.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua

điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Tâm lý học đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị các khái niệm cơ bản của khoa học tâm lý và các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học làm cơ sở để hiểu được: • Nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức. • Bản chất của các quá trình tâm lý của con người như: Nhận thức; Xúc cảm – tình cảm; hành động và các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách con người.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương - Chương 1: Đại cương về logic học - Chương 2: Khái niệm - Chương 3: Phán đoán - Chương 4: Suy luận - Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụ biện - Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 1. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm 8 bài của giáo trình Outcomes –Inter. Sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao, giúp tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp nâng cao hơn bằng tiếng Anh. Sinh viên được chuẩn bị kỹ phần nền tảng tiếng Anh vững chắc để tiếp tục hoàn thiện trong các khóa TOEIC sau đó nhằm đáp ứng cho kỳ thi chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 2. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Giáo dục thể chất: 4 (33, 77, 40)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 4 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 1

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

Tin học văn phòng 2

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Toán cao cấp C1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để có đủ kiến thức tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gíc, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

Toán cao cấp C2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp C1)

Nội dung: Toán cao cấp C2 giới thiệu các kiến thức về phép tính vi, tích phân hàm một biến và phép tính vi phân hàm nhiều biến.

Xác suất thống kê: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp C1, C2)

Nội dung: Lý thuyết xác suất thống kê giới thiệu các kiến thức bao gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan.

Phương pháp tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : - Số gần đúng và sai số - Nội suy bằng đa thức và phương pháp bình phương tối thiểu - Giải gần đúng nghiệm thực của phương trình - Tính gần đúng đạo hàm và tích phân - Giải gần đúng phương trình và hệ phương trình vi phân thường.

Qui hoạch tuyến tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp C1, C2)

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : - Các khái niệm về bài toán quy hoạch tuyến tính (QHTT), các dạng của bài toán QHTT, phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT. - Bài toán QHTT chứa tham số ở hàm mục tiêu - Bài toán vận tải và các ứng dụng - Phương pháp sơ đồ mạng Per.

Kinh tế vi mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kinh tế vi mô như: những vấn đề cơ bản về kinh tế vi mô, thị trường, cầu và cung, lý thuyết hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, lý thuyết cạnh tranh hoàn toàn, lý thuyết độc quyền hoàn toàn, lý thuyết cạnh tranh không hoàn toàn.

Kinh tế vĩ mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Cách tính sản lượng quốc gia, Lý thuyết xác định sản lượng cân bằng quốc gia, Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, Tiền tệ ngân hàng và chính sách tiền tệ, Mô hình IS-LM, Mô hình tổng cung tổng cầu, Lạm phát và thất nghiệp, Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Marketing căn bản: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động marketing như: nhập môn marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị trong thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá (pricing strategy), chiến lược phân phối (distribution strategy), chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát marketing

Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học như: bản chất và khoa học của quản trị, sự phát triển các lý thuyết khoa học quản trị, các yếu tố môi trường tác động đến quản trị, quyết định trong quản trị, hoạch định trong quản trị, tổ chức trong quản trị, quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế toàn cầu, người lãnh đạo và hành vi của lãnh đạo, động lực và hành vi giữa các cá nhân, nhóm, quản trị trong nền kinh tế toàn cầu, kiểm tra, kiểm soát trong quản trị.

Thống kê kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên lý thống kê để ứng dụng cho các môn học chuyên ngành và trong nghiên cứu các quá trình kinh tế - kinh doanh như: điều tra thông tin, phân tổ tổng hợp tài liệu, các chỉ tiêu thống kê mức độ khối lượng, các chỉ tiêu thống kê mức độ tương đối của hiện tượng, các chỉ số phát triển, chỉ số kế hoạch, thống kê và dự báo xu hướng phát triển của quá trình kinh tế - kinh doanh.

Nguyên lý kế toán: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động chủ yếu của một đơn vị cụ thể. Giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về công việc kế toán và nền tảng để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính, kế toán quản trị.

Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh doanh: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và kiến thức cơ sở về Kinh tế lượng như: đặc điểm vận dụng kinh tế lượng trong thực tiễn; hồi quy 2 biến; một số ứng dụng của hàm hồi quy 2 biến; hồi quy nhiều biến; đa cộng tuyến; phương sai của nhiễu thay đổi; tự tương quan.

Địa lý kinh tế Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần địa lý kinh tế bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế - xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực; và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Nội dung cơ bản của học phần này là giúp cho sinh viên làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội, và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia.

Luật kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

Lý thuyết tài chính tiền tệ 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học trang bị cho học sinh các kiến thức về lý thuyết tiền tệ. Kết thúc học phần học sinh nắm vững được các kiến thức cơ sở về tiền tệ làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành và bổ trợ chuyên ngành.

Lý thuyết tài chính tiền tệ 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ cho sinh viên học trong khối ngành kinh tế để đáp ứng với xu hướng giáo dục hiện nay.

Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng trong kinh doanh như: giới thiệu phân tích dữ liệu, phân loại dữ liệu, mã hóa, nhập liệu và một số xử lý trên biến, làm sạch dữ liệu, tóm tắt và trình bày dữ liệu, kiểm định mối liên hệ giữa hai biến định tính, phân tích liên hệ giữa biến nguyên nhân định tính và biến kết quả định lượng: kiểm định trung bình tổng thể, phân tích liên hệ giữa biến nguyên nhân định tính và biến kết quả định lượng: phân tích phương sai, kiểm định phi tham số, kiểm định tỷ lệ, tương quan và hồi qui tuyến tính.

Quản trị chất lượng: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng như: dẫn nhập, tổng quan về chất lượng, quản lý chất lượng, quản lý chất lượng dịch vụ, quản lý chất lượng toàn diện – TQM, đánh giá chất lượng, các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm.

Quản trị vận hành: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình vận hành một doanh nghiệp, tổ chức là như thế nào. Các hoạt động kinh doanh này có thể tạo ra cả sản phẩm vật chất cũng như sản phẩm dịch vụ: tổng quan về việc vận hành doanh nghiệp, Tổ chức sản xuất ra sao, bố trí sản xuất như thế nào, chiến lược sản xuất, làm cách nào để hoạch định tổng hợp, quản trị tồn kho.....

Quản trị tài chính: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan và chuyên sâu về quản trị tài chính, các vấn đề cụ thể về: phân tích tình hình tài chính, lập kế hoạch tài chính, quản trị vốn lưu động, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, định giá doanh nghiệp, định giá chứng khoán trong doanh nghiệp.

Quản trị dự án: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học bắt đầu từ việc giới thiệu tổng quan về quá trình hình thành và phát triển ý tưởng dự án đến lúc kết thúc dự án để đưa vào vận hành khai thác. Nội dung tóm tắt của môn học bao gồm: Cơ sở lý luận và các nội dung cơ bản của quản trị dự án; đánh giá và chọn lựa dự án mang lại lợi ích cao; tổ chức cơ cấu bộ máy, các yêu cầu về tổ chức của giám đốc dự án, nguyên tắc lãnh đạo và xây dựng đội ngũ dự án; lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ, và xem xét phân bổ nguồn lực thực hiện dự án; cách thức và nội dung giám sát, kiểm soát dự án, các vấn đề về quản trị rủi ro và hợp đồng dự án và các công việc cần thực hiện để kết thúc dự án.

Quản trị Marketing 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Marketing căn bản)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị marketing như: Tổng quan và quản trị marketing, tạo dựng giá trị, sự thỏa mãn và lòng trung thành của khách hàng, hoạch định chiến lược marketing, hệ thống thông tin marketing và môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng, phân tích cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, chiến lược định vị và xây dựng thương hiệu

Quản trị chiến lược: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược như: giới thiệu về quản trị chiến lược, tuyên bố viễn cảnh & sứ mệnh, phân tích môi trường bên ngoài, phân tích bên trong, tạo dựng lợi thế cạnh tranh thông qua các chiến lược chức năng, chiến lược cấp kinh doanh, các phương thức cạnh tranh, chiến lược trong môi trường toàn cầu, chiến lược công ty, thiết kế cấu trúc tổ chức & hệ thống kiểm soát.

Quản trị nguồn nhân lực 1 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Quản trị học)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực như: giới thiệu về quản trị nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, quá trình tuyển dụng, trắc nghiệm và phỏng vấn, định hướng và phát triển nghề nghiệp, đào tạo và phát triển, trả công lao động.

Kỹ năng quản lý sự thay đổi: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Quản trị Sự Thay đổi trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi.

Kỹ năng thuyết trình: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nắm vững được các bước thuyết trình. Xác định được những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thuyết trình. Thực hành cách chọn đề tài, kỹ năng xác định chủ đề; kỹ năng phân tích chủ đề.

An toàn lao động: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về an toàn trong môi trường công việc nói chung và an toàn môi trường công việc của nghề thư ký và văn phòng nói riêng.

Quản trị bán hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kỹ năng và quản trị bán hàng như: bán hàng và hành vi mua hàng, hoạt động chào - bán hàng và trưng bày..., một số kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp, một số kỹ năng quản lý bán hàng cơ bản, quản trị bán hàng, khuyến mãi bán hàng.

Quản trị văn phòng: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học Quản trị văn phòng (QTVP) nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết liên quan đến quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến công việc hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Đồng thời qua môn học sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

Quản trị quan hệ công chúng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Tìm hiểu khái niệm quan hệ công chúng; Tìm hiểu bản chất của quan hệ công chúng; Việc áp dụng quan hệ công chúng trong các doanh nghiệp có thể giúp các doanh nghiệp giải quyết được nhiều vấn đề gì?

Quản trị nguồn nhân lực 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Quản trị nguồn nhân lực 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực như: đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên, quan hệ lao động, quản trị nguồn nhân lực quốc tế, đánh giá kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực, các tình huống tổng hợp và những chuyên đề chuyên sâu giúp sinh viên tiếp cận với thực tế.

Tiếng Anh chuyên ngành 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình như những kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong giao tiếp trong các tình huống kinh doanh, trong giao dịch thư tín thương mại, trong các cuộc điện đàm đàm phán, trong các kỹ thuật viết báo cáo, ghi chú các hoạt động, viết biên bản ghi nhớ... Ngoài ra, trong từng cấu trúc bài học cũng cung cấp cho sinh viên a. Background information: Cung cấp cho sinh viên những thông tin thiết yếu để thực hiện trong từng ngữ cảnh của bài học. b. Functions: Những hoạt động thực tiễn áp dụng những cấu trúc đã học trong Student's Book và chuyển thể thành những hoạt động giao tiếp (Speaking) c. Vocabulary: Ôn tập từ ngữ bằng các hoạt động trong những ngữ cảnh cụ thể. d. Word- building: Những bài tập cụ thể giúp học sinh xây dựng từ ngữ và tự làm giàu vốn từ ngữ cho mình. e. Listening: Những đề tài kinh doanh được lồng ghép trong các tình huống giao tiếp thực tế và điển hình. f. Reading: Những bài đọc hiểu giúp sinh viên tích lũy kiến thức có liên quan trong các hoạt động kinh doanh. g. Grammar review: Thực hành ôn tập những điểm cơ bản và thiết yếu của văn phạm Anh ngữ.

Tiếng Anh chuyên ngành 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình như những kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong giao tiếp trong các tình huống làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, những chính sách sử dụng nhân lực, những hoạt động của công ty và các tổ chức, trong việc đặt hàng, cung cấp hàng hóa và các dịch vụ, việc chào hàng, thiết lập đơn đặt hàng và xác nhận đơn đặt hàng, trong các phương pháp và thủ tục thanh toán, hoạt động lưu lượng tiền mặt, lập hóa đơn thương mại, lập thư tín dụng và các vấn đề có liên quan đến thanh toán... Ngoài ra, trong từng cấu trúc bài học cũng cung cấp cho sinh viên a. Background information: Cung cấp cho sinh viên những thông tin thiết yếu để thực hiện trong từng ngữ cảnh của bài học. b. Functions: Những hoạt động thực tiễn áp dụng những cấu trúc đã học trong Student's Book và chuyển thể thành những hoạt động giao tiếp (Speaking) c. Vocabulary: Ôn tập từ ngữ bằng các hoạt động trong những ngữ cảnh cụ thể. d. Word- building: Những bài tập cụ thể giúp học sinh xây dựng từ ngữ và tự làm giàu vốn từ ngữ cho mình. e. Listening: Những đề tài kinh doanh được lồng ghép trong các tình huống giao tiếp thực tế và điển hình. f. Reading: Những bài đọc hiểu giúp sinh viên tích lũy kiến thức có liên quan trong các hoạt động kinh doanh. g. Grammar review: Thực hành ôn tập những điểm cơ bản và thiết yếu của văn phạm Anh ngữ.

Tiếng Anh chuyên ngành 3: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình như những kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong giao tiếp trong các tình huống thân thiện của khách hàng và nói lời xin lỗi, các chính sách giao hàng và hậu mãi, chăm sóc khách hàng và đi công tác kinh doanh, nghệ thuật trong giao tiếp kinh doanh, các vấn đề về thị trường, nghiên cứu thị trường, khuyến mãi, quảng cáo, các hình thức hội họp và làm việc với đối tác... Ngoài ra, trong từng cấu trúc bài học cũng cung cấp cho sinh viên a. Background information: Cung cấp cho sinh viên những thông tin thiết yếu để thực hiện trong từng ngữ cảnh của bài học. b. Functions: Những hoạt động thực tiễn áp dụng những cấu trúc đã học trong Student's Book và chuyển thể thành những hoạt động giao tiếp (Speaking) c. Vocabulary: Ôn tập từ ngữ bằng các hoạt động trong những ngữ cảnh cụ thể. d. Word- building: Những bài tập cụ thể giúp học sinh xây dựng từ ngữ và tự làm giàu vốn từ ngữ cho mình. e. Listening: Những đề tài kinh doanh được lồng ghép trong các tình huống giao tiếp thực tế và điển hình. f. Reading: Những bài đọc hiểu giúp sinh viên tích lũy kiến thức có liên quan trong các hoạt động kinh doanh. g. Grammar review: Thực hành ôn tập những điểm cơ bản và thiết yếu của văn phạm Anh ngữ.

Tiếng Anh chuyên ngành 4: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các tình huống và ngữ cảnh trong kinh doanh mà một thương nhân phải đương đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình như những kỹ năng và kỹ thuật cơ bản trong giao tiếp trong các tình huống phải giải thích và miêu tả các hoạt động, cho những lời hướng dẫn, nộp đơn xin việc, tìm kiếm sự thăng tiến trong nghề nghiệp, tham gia vào các buổi phỏng vấn, việc đàm phán mua bán sản phẩm, đàm phán kinh doanh trực tiếp qua điện thoại, lập dự án ... Ngoài ra, trong từng cấu trúc bài học cũng cung cấp cho sinh viên a. Background information: Cung cấp cho sinh viên những thông tin thiết yếu để thực hiện trong từng ngữ cảnh của bài học. b. Functions: Những hoạt động thực tiễn áp dụng những cấu trúc đã học trong Student's Book và chuyển thể thành những hoạt động giao tiếp (Speaking) c. Vocabulary: Ôn tập từ ngữ bằng các hoạt động trong những ngữ cảnh cụ thể. d. Word- building: Những bài tập cụ thể giúp học sinh xây dựng từ ngữ và tự làm giàu vốn từ ngữ cho mình. e. Listening: Những đề tài kinh doanh được lồng ghép trong các tình huống giao tiếp thực tế và điển hình. f. Reading: Những bài đọc hiểu giúp sinh viên tích lũy kiến thức có liên quan trong các hoạt động kinh doanh. g. Grammar review: Thực hành ôn tập những điểm cơ bản và thiết yếu của văn phạm Anh ngữ

Thương mại điện tử: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động thương mại và kinh doanh trực tuyến. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, cơ sở vận hành thương mại điện tử (mạng LAN/WAN), hiểu về mạng trong và ngoài công ty (Intranet/Extranet), mạng toàn cầu (Internet) và các dịch vụ đi kèm... Bên cạnh đó sinh viên sẽ được cung cấp những mô hình cơ bản thương mại trực tuyến, hành vi của người mua hàng trực tuyến, các hình thức PR, Marketing trực tuyến và thanh toán trực tuyến...

Nghiên cứu thị trường: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế, giúp cho sinh viên có thể hiểu biết các chiến lược cạnh tranh, hoạch định nghiên cứu thị trường để đề ra các chiến lược tiếp thị đồng thời nhận biết được vị thế của các doanh nghiệp trên thị trường đồng thời nâng cao khả năng nghiên cứu thị trường của sinh viên.

Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học như: Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu kinh tế, Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu, Tổng quan tài liệu, Phát triển khung lý thuyết, khung khái niệm và khung phân tích, Bản chất, dạng và cách đo lường dữ liệu, Phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu, Viết đề cương nghiên cứu, Thu thập dữ liệu, Nhập và xử lý dữ liệu, Viết báo cáo nghiên cứu.

Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và đạo đức kinh doanh như: đạo đức kinh doanh và vấn đề đạo đức trong kinh doanh, các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty, phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh, văn hóa công ty, vận dụng trong quản lý – tạo lập bản sắc văn hóa công ty.

Lập kế hoạch kinh doanh: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

Luật lao động: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật lao động như: những quy định chung về bộ luật lao động, các khái niệm, điều khoản của hợp đồng lao động, hòa giải tại nơi làm việc, cách thức thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể, cách tính lương, xây dựng thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, xây dựng hình thức kỷ luật lao động, quy định an toàn và vệ sinh lao động, những quy định riêng đối với lao động nữ, những quy định riêng đối với lao động chưa thành niên và một số loại lao động khác, bảo hiểm xã hội, công đoàn, giải quyết tranh chấp lao động, quản lý nhà nước về lao động.

Định mức và lao động tiền lương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Quản trị học)

Nội dung: Học phần này là công cụ rất cần thiết trong quản lý lao động; là cơ sở để lập kế hoạch kinh doanh như: tổ chức sản xuất và tổ chức nhân viên; là căn cứ để tính toán giao việc và trả công lao động hợp lý cho từng bộ phận, từng nhân viên. Học phần đồng thời cũng cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lương thưởng và cách thức thiết lập thang, bảng lương, quy chế lương nhằm động viên khuyến khích nhân viên làm việc có hiệu quả.

Hành vi tổ chức: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức như: giới thiệu về hành vi tổ chức, những cơ sở của hành vi cá nhân, giá trị, thái độ và sự thỏa mãn đối với công việc, động viên, những cơ sở của hành vi nhóm, hành vi trong nhóm và xung đột, thông tin, văn hóa tổ chức, đổi mới và phát triển tổ chức.

Kinh tế quốc tế: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế như: những vấn đề chung về kinh tế quốc tế, lý thuyết cổ điển về mậu dịch quốc tế, lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế, thuế quan - một hình thức hạn chế mậu dịch, các hình thức hạn chế mậu dịch khác và đàm phán mậu dịch đa phương, liên kết kinh tế quốc tế, sự di chuyển nguồn lực quốc tế.

Chăm sóc khách hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Khi học xong môn học này, người học sẽ có khả năng tốt hơn để: • Xác định khách hàng của mình, cả khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài; • Giải thích tầm quan trọng và nội dung của việc chăm sóc khách hàng; • Mô tả một số nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng; • Xác định được khách hàng mong muốn điều gì ở doanh nghiệp; • Xác định những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp.

Quản trị doanh nghiệp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về phương pháp luận và nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: phân loại loại hình doanh nghiệp, bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh, tổ chức, quản lý, điều hành, các hoạt động của tổ chức doanh nghiệp trong nền kinh tế. Đồng thời giúp cho người học thấy rõ các yếu tố sản xuất và tình hình kinh doanh của Việt Nam nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ngày một cao hơn.

Nghệ thuật lãnh đạo: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Sự tồn tại và phát triển của tổ chức phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả của lãnh đạo. Nên môn học này sẽ giúp cho sinh viên ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo, phong cách lãnh đạo trong điều kiện Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp VN nói riêng.

Quản trị thương hiệu: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

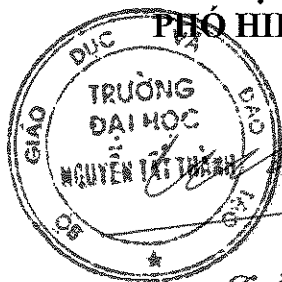
Nội dung: Tổng quan về Thương hiệu, phân biệt Thương hiệu (Tradename) và Nhãn hiệu (Trademark/Brand); Vai trò của Thương hiệu trong kinh doanh; Các bước xây dựng Thương hiệu; Định vị Thương hiệu; Thiết kế Thương hiệu; Xây dựng chiến lược cho Thương hiệu; Đăng ký bảo hộ Thương hiệu và Nhãn hiệu trong nước và Quốc tế; Đánh giá Thương hiệu.

Chuyên đề tốt nghiệp: 3 (0, 90, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Chuyên đề theo chuyên ngành về một đề tài cụ thể bao gồm: phần mở đầu, phần tổng quan, những nghiên cứu thực nghiệm hoặc lý thuyết, đánh giá phân tích các kết quả và đưa ra kết luận cũng như các kiến nghị cần thiết.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**1. TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

Trần Hồng Quỳnh

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Bùi Văn Thời